

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến Thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh kèm theo Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh

Căn cứ Báo cáo số 119/BC-HĐND ngày 14/7/2023 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh Thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh kèm theo Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

1. Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị làm rõ cơ sở đề nghị phân bổ vốn cho Sở Nông nghiệp và PTNT **không quá 50%** tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1, Dự án 3 (*Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*). Đồng thời, làm rõ nội dung, dự kiến cụ thể số vốn mà Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ thực hiện trong năm 2024, 2025.

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo:

Về nội dung làm rõ cơ sở đề nghị phân bổ vốn cho Sở Nông nghiệp và PTNT **không quá 50%** tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1, Dự án 3:

Tổng số vốn đã giao để thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 năm 2023 là 87,547 tỷ đồng (*gồm vốn năm 2022 kéo dài là 18,547 tỷ đồng và vốn năm 2023 là 69 tỷ đồng*). Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng nhu cầu vốn thực hiện các nội dung hỗ trợ Tiểu dự án 1 – Dự án 3 từ các đơn vị, địa phương (*gồm: Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh; các huyện: Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long*) năm 2023 sau khi rà soát lại chỉ khoảng 40 tỷ đồng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề nghị điều chỉnh giảm kinh phí năm 2023 là 48,307 tỷ đồng tại văn bản số 2601/SNNPTNT-KHTC ngày 29/6/2023.

Tổng nhu cầu kinh phí năm 2023 của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh (làm tròn): 20 tỷ đồng/năm (tương ứng với 47.000 ha). Tuy nhiên, giai đoạn 2024 – 2025 diện tích có thể tăng thêm 15.000 ha, nâng tổng diện tích hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng trong giai đoạn này có thể 62.000 ha (tương ứng với nhu cầu kinh phí khoảng 27 tỷ đồng). Lý do: Hiện tại, một số diện tích bảo vệ rừng tại các lưu vực thủy điện: Nước Trong, Định Bình, Núi Ngang, Sơn Trà (*thuộc địa bàn các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ*), hiện tại đang được chi trả và điều tiết bằng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng. Dự báo trong giai đoạn tới, đơn giá chi trả tại các lưu vực này có khả năng thấp hơn mức 400.000 đồng/ha/năm. Vì vậy, đơn vị chủ rừng cần phải tính toán lồng ghép từ nguồn kinh phí của Tiểu dự án 1 – Dự án 3 để đảm bảo mức chi trả cho hộ tham gia nhận khoán.

Do vậy, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 2209/SNNPTNT-KHTC ngày 07/6/2023; Ban Dân tộc tỉnh đề xuất phân bổ cho Sở NNPTNT không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1, Dự án 3 để đảm bảo vốn cho Sở NNPTNT thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và những năm tiếp theo (*điều này không có nghĩa là tỷ lệ phân bổ vốn hàng năm cho Sở Nông nghiệp và PTNT bắt buộc phải đủ 50%, mà có thể chỉ chiếm tỷ lệ thấp hơn tùy vào tổng kinh phí Tiểu dự án 1 – Dự án 3 được Trung ương phân bổ hàng năm*).

Về làm rõ nội dung, dự kiến cụ thể số vốn mà Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ thực hiện trong năm 2024, 2025: Nội dung sử dụng kinh phí Tiểu dự án 1 – Dự án 3 năm 2024 – 2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là phân bổ cho Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh sử dụng 100% kinh phí này để hỗ trợ cho nội dung khoán quản lý bảo vệ rừng (*theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT*) với tổng nhu cầu kinh phí khoảng từ 20 đến 27 tỷ đồng/năm.

2. Tại khoản 2 Điều 1, đề nghị làm rõ cơ sở đưa ra tiêu chí “*Mỗi thôn có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” và xác định số điểm là 5 điểm.

Nội dung tiêu chí là “*Mỗi thôn có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*”, tổng số điểm là 5 x b; nhưng số lượng (b) được xác định theo số lượng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt là chưa thống nhất và phù hợp.

Theo khoản 1 Mục II Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Phạm vi của Chương trình: trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”. Do đó, nếu thống nhất tiêu chí này thì đề nghị sửa thành “*Mỗi thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*”.

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo:

- Việc bổ sung tiêu chí “*Mỗi thôn có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” nhằm mục đích bố trí vốn cho huyện Nghĩa Hành để thực

hiện nội dung Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

Tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 03/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số quy định “a) *Mỗi thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số có ít nhất 1/3 số hộ gia đình hoặc số nhân khẩu là người dân tộc thiểu số được bình chọn một người có uy tín.* b) *Trường hợp thôn không đủ Điều kiện quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này hoặc có nhiều thành Phần dân tộc cùng sinh sống, căn cứ tình hình thực tế và đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định số lượng người có uy tín được bình chọn, nhưng tổng số người có uy tín được bình chọn không vượt quá tổng số thôn của vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*”. Như vậy, các thôn được bầu chọn người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đa số thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và phù hợp với phạm vi của Chương trình, phù hợp với đối tượng thụ hưởng chính sách của tiêu dự án 1, dự án 10. Từ những phân tích trên và cơ sở thực tiễn trong thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, Ban Dân tộc tỉnh đề xuất bổ sung tiêu chí “*Mỗi thôn có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” để tính điểm phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện tiêu dự án 1, dự án 10.

- Đối với cơ sở xác định số điểm là 5 điểm: Hiện nay, tổng số thôn của các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 316 thôn/61 xã, như vậy bình quân mỗi xã có khoảng 5,2 thôn; căn cứ tiêu chí tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định “*Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số*” có số điểm là 27 điểm/xã thì điểm bình quân mỗi thôn là 5,19 điểm/thôn; trên cơ sở đó, Ban Dân tộc tỉnh đề xuất phương án mỗi thôn có người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số có số điểm là 05 điểm.

- Cơ quan soạn thảo tiếp thu điều chỉnh tiêu chí “*Mỗi thôn có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” thành “*Mỗi thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” và điều chỉnh số lượng (b) thành “*số lượng (b) được xác định theo số lượng thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt*”.

Ban Dân tộc tỉnh kính báo cáo UBND tỉnh và Ban Dân tộc HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Trần Văn Mẫn